

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Hệ đào tạo: Đại học chính quy

Ngành: Kiểm toán

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - + Tiếng Việt: Kế toán quản trị
 - + Tiếng Anh: Management Accounting
- Mã học phần: DKT.01.30
- Đối tượng học: Sinh viên ĐHCQ ngành Kiểm toán.
- Số tín chỉ: 3
- Vị trí của học phần trong CTĐT^[2]

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		□ Thực tập/khóa luận tốt nghiệp
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	x Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	

- Học phần tiên quyết^[3]: Nguyên lý kế toán (DKT.01.20); Kế toán tài chính 1 (DKT.01.18), Kế toán tài chính 2 (DKT.01.20)
- Học phần học trước^[4]: Không
- Học phần song hành^[5]: Không
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động^[6]: [150 giờ]
 - + Nghe giảng lý thuyết: 30 giờ (30 giờ)
 - + Bài tập: 9 giờ (9 giờ)
 - + Thực hành, thảo luận, hoạt động nhóm: 12 giờ (6 giờ)
 - + Kiểm tra: 3 giờ (3 giờ)
- Hoạt động khác (tự học, nghiên cứu, tham quan trải nghiệm^[7]: 102 giờ (102 giờ)
- Viện/Khoa, Bộ môn phụ trách học phần: Viện Kế toán – Kiểm toán, Bộ môn Kế toán
- Giảng viên phụ trách học phần (dự kiến):
 - 1) Họ và tên: Th.Nguyễn Thị Hải
Chức danh: Giảng viên chính
Thông tin liên hệ: ĐT: 0981767912 ; Email:
 - 2) Họ và tên: ThS. Nguyễn Văn Dâu
Chức danh: Giảng viên chính
Thông tin liên hệ: ĐT: 0912253255 ; Email:

2. Mô tả học phần^[8]

Kế toán quản trị là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành ngành Kiểm toán. Học phần Kế toán quản trị gồm các nội dung chính: Khái quát chung về Kế toán quản trị; đối tượng và phương pháp kế toán của kế toán quản trị; kế toán quản trị các yếu tố sản

xuất kinh doanh; kế toán quản trị CPSX và giá thành sản phẩm; định giá bán sản phẩm trong doanh nghiệp; kế toán quản trị doanh thu và kết quả kinh doanh; mối quan hệ chi phí- khối lượng- lợi nhuận, khái niệm thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn. Qua đó, giúp người học áp dụng linh hoạt kiến thức để giải quyết được các tình huống, vấn đề phát sinh trong quá trình quản trị.

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu học phần ^[9]	Mô tả mục tiêu học phần ^[10] Học phần nhằm cung cấp cho người học:
CSO 1.1	Có kiến thức tổng quan về kế toán quản trị doanh nghiệp; kế toán quản trị các yếu tố sản xuất kinh doanh; kế toán quản trị chi phí, giá thành doanh thu, xác định kết quả và định giá bán sản phẩm; mối quan hệ giữa chi phí khối lượng và lợi nhuận; dự toán chi phí và phân tích chi phí kinh doanh lập các báo cáo về quản trị doanh nghiệp và thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn trong quản lý.
CSO 2.1	Có khả năng thu nhận, xử lý, trình bày, phân tích và cung cấp thông tin về kế toán quản trị, ra các quyết định ngắn hạn trong kinh doanh.
CSO 3.1	Có năng lực tự học, nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn và phát triển bản thân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần - CLO (Course Learning Outcomes)

Mục tiêu học phần ^[9]	CDR học phần ^[11]	Mô tả chuẩn đầu ra học phần ^[12] <i>Hoàn thành học phần này, người học thực hiện được:</i>	CDR của CTĐT ^[13]	Mức độ ^[14]
<i>CDR về kiến thức:</i>				
CSO 1.1	CLO 1.1	Vận dụng kế toán quản trị hàng tồn kho, tài sản cố định, lao động và tiền lương; quản trị chi phí và giá thành sản phẩm; định giá bán sản phẩm và quản trị doanh thu và xác định kết quả; tính toán tư vấn cho nhà quản trị trong việc ra các quyết định ngắn hạn trong kinh doanh.	PLO1.3 PLO1.4	3 2
<i>CDR về kỹ năng:</i>				
CSO 2.1	CLO 2.1	Phân loại chi phí, phân loại giá thành trong DN dưới nhiều cách phân loại để phục vụ cho việc xác định chi phí và tính giá thành sản phẩm.	PLO2.2	3
	CLO 2.2	Thể hiện tư duy phản biện đối với việc vận dụng mối quan hệ chi phí- khối lượng- lợi nhuận.	PLO2.2	3
<i>CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</i>				
CSO 3.1	CLO 3.1	Có thái độ nghiêm túc, chủ động trong học tập trên lớp và tự học, có tư duy hệ thống trong việc giải quyết các vấn đề.	PLO3.1 PLO3.2	3

Mức độ đóng góp:

1: Introduce (Giới thiệu) 2: Reinforce (Củng cố)

3: Master (Thành thạo)

5. Học liệu^[15]

5.1. Tài liệu chính:

1. TS. Trần Văn Dung, Nguyễn Thị Hà (2016): *Giáo trình Kế toán quản trị*. NXB Thống kê;

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Ngọc Quang (2021): *Giáo trình Kế toán quản trị*. NXB Đại học Kinh tế quốc dân;

2. Các văn bản pháp quy về kế toán: Luật kế toán 2003, Chuẩn mực kế toán.

6. Các phương pháp dạy và học áp dụng cho học phần

x	Thuyết trình	x	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Công trình nghiên cứu	<input type="checkbox"/>	Dự án/Đồ án
x	Phát vấn	x	Thuyết giảng	x	Tình huống	<input type="checkbox"/>	Tham quan thực tế
x	Giải quyết vấn đề	<input type="checkbox"/>	Phương pháp khác				

7. Nội dung chi tiết học phần

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)				Tự học	CĐR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	TH, Thảo luận				
Bài 1	<p>Chương 1: Tổng quan về Kế toán quản trị doanh nghiệp.</p> <p>1.1. Bản chất của kế toán quản trị trong doanh nghiệp</p> <p>1.2. Vai trò của kế toán quản trị doanh nghiệp</p> <p>1.3 Đối tượng của kế toán quản trị</p> <p>1.4 Phương pháp của kế toán quản trị</p>	3				6	CLO 1.1	Thuyết trình Phát vấn	SV đọc trước giáo trình

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)				Tự học	CDR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	TH, Thảo luận				
Bài 2	Chương 2: Kế toán quản trị Các yếu tố SXKD 2.1. Kế toán quản trị hàng tồn kho 2.2. Kế toán quản trị Tài sản cố định	2			1	6	CLO 1.1	Thuyết trình	SV đọc trước giáo trình Sinh viên tự nghiên cứu
Bài 3	2.3. Kế toán quản trị lao động và tiền lương Chương 3 : Kế toán quản trị Chi phí và giá thành 3.1. Phân loại chi phí kinh doanh trong kế toán quản trị	3				7	CLO 1.1	Thuyết giảng	SV đọc trước giáo trình
Bài 4	Chương 3 : Kế toán quản trị Chi phí và giá thành (tiếp) 3.2. Các loại giá thành sản phẩm sử dụng trong kế toán quản trị 3.3. Đối tượng tập hợp CPSX và đối tượng tính giá thành	2		1		7	CLO 1.1, CLO 2.1	Tình huống Giải quyết vấn đề	SV chuẩn bị trước bài tập ở nhà
Bài 5	Chương 3 : Kế toán quản trị Chi phí và giá thành (tiếp) 3.4. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất 3.5.Kế toán CPSX theo khoản mục chi phí	2		1		7	CLO 1.1, CLO 2.1	Thuyết trình Làm việc nhóm	SV đọc trước giáo trình

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)				Tự học	CDR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	TH, Thảo luận				
Bài 6	3.6. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ 3.7 Các phương pháp xác định CPSX và giá thành sản phẩm	1		1	1	7	CLO 1.1, CLO 2.1	Phát vấn Làm việc nhóm	SV chuẩn bị trước bài tập ở nhà Sinh viên tự ôn tập
Bài 7	3.8 Lập Báo cáo sản xuất - Chữa bài tập chương 2.	2		1		6	CLO 1.1 CLO 2.1	Thuyết trình	SV đọc trước giáo trình
Bài 8	- Chữa bài tập chương 2. - Làm bài kiểm tra số 1 Chương 4 Định giá bán trong doanh nghiệp 4.1 Định giá bán trong doanh nghiệp	1	1	1		7	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2	Thuyết trình	SV đọc trước giáo trình
Bài 9	4.2. Kế toán quản trị doanh thu và kết quả kinh doanh	3				6	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2	Thuyết trình Phát vấn	SV đọc trước giáo trình
Bài 10	Chương 5 Dự toán sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp 5.1 Tổng quan và dự toán sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp	2		1		6	CLO 2.2 CLO 3.1	Thuyết trình Phát vấn	SV đọc trước giáo trình
Bài 11	5.2. Xây dựng định mức chi phí kinh doanh	2			1	6	CLO 2.2	Phát vấn	SV đọc trước

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)				Tự học	CĐR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	TH, Thảo luận				
							CLO 3.1	Làm việc nhóm	giáo trình
Bài 12	5.3 Lập dự toán sản xuất kinh doanh - Kiểm tra bài 2	1	1	1		7	CLO 2.2 CLO 3.1	Thuyết trình	SV chuẩn bị trước bài tập ở nhà Sinh viên tự ôn tập
Bài 13	Chương 6 Kế toán quản trị cho việc ra quyết định ngắn hạn 6.1 Vận dụng mối quan hệ giữa chi phí- khối lượng và lợi nhuận cho việc ra quyết định ngắn hạn	2			1	6	CLO 2.2 CLO 3.1	Thuyết trình Phát vấn	SV đọc trước giáo trình
Bài 14	6.1 Vận dụng mối quan hệ giữa chi phí- khối lượng và lợi nhuận cho việc ra quyết định ngắn hạn (tiếp) Chữa bài tập chương 5	1		1	1	6	CLO 2.2 CLO 3.1	Phát vấn Làm việc nhóm	SV đọc trước giáo trình
Bài 15	6.2. Vận dụng khái niệm thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn - Chữa bài tập chương 6	3				6	CLO 2.2 CLO 3.1	Thuyết trình	SV chuẩn bị trước bài tập ở nhà Sinh viên tự ôn tập
Bài 16	-Chữa bài tập chương 6. -Làm bài kiểm tra số 3		1	1	1	6	CLO 2.2	Thuyết trình	SV chuẩn bị trước

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)				Tự học	CDR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	TH, Thảo luận				
							CLO 3.1		bài tập ở nhà Sinh viên tự ôn tập
Tổng cộng		30	3	9	6	102			

8. Nhiệm vụ của người học

- Tham dự giờ lên lớp: Tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên;
- Bài tập, thảo luận:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CLO	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Điểm chuyên cần	10	Đánh giá quá trình	Rubric	CLO 3.1	100%
01 bài kiểm tra tự luận 50 phút giữa kỳ	30	Tự luận	Rubric	CLO1.1, CLO2.1	40% 60%
01 bài kiểm tra tự luận 50 phút cuối kỳ		Tự luận	Rubric	CLO1.1, CLO2.2	40% 60%
Bài thi hết học phần: Tự luận hoặc					

Vấn đáp theo BTL					
1) Tự luận 90 phút	60	Tự luận	Rubric	CLO1.1, CLO2.1, CLO2.2,	30% 30% 40%
2) Vấn đáp theo BTL	60	Vấn đáp	Rubric	CLO1.1, CLO2.1, CLO2.2,	30% 30% 40%

9.3. Các Rubric đánh giá kết quả học tập

9.3.1 Các Rubric đánh giá bài kiểm tra tự luận trong kỳ và thi tự luận hết học phần

Tiêu chí đánh giá của từng câu hỏi trong đề thi	Mức chất lượng	Thang điểm %
<ul style="list-style-type: none"> – Nội dung đủ, trả lời đúng 100% câu hỏi – Trình bày rõ ràng, diễn đạt ngắn gọn, súc tích, logic. – Còn vài lỗi chính tả. 	Mức A	85, - 10
<ul style="list-style-type: none"> – Trả lời đúng 70-80% câu hỏi – Trình bày rõ ràng, diễn đạt logic. – Mắc ít lỗi (3-5) lỗi về thuật ngữ chuyên môn. – Có khá nhiều lỗi chính tả. 	Mức B	7,0 – 8,4
<ul style="list-style-type: none"> – Trả lời đúng 50-60% câu hỏi – Trình bày không rõ ý, chưa logic. – Mắc lỗi về thuật ngữ chuyên môn (trên 5 lỗi). – Nhiều lỗi chính tả. 	Mức C (Đạt)	5,5 – 6,9
<ul style="list-style-type: none"> – Trả lời đúng 40-50% câu hỏi. – Không làm hết câu hỏi, bỏ nội dung hơn 60%. – Trình bày tối nghĩa, diễn đạt không rõ ý. – Mắc nhiều lỗi về thuật ngữ chuyên môn. – Nhiều lỗi chính tả. 	Mức D (Đạt, song cần cải thiện)	4,0 – 5,4
<ul style="list-style-type: none"> – Các trường hợp còn lại 	Mức F (Không đạt)	Dưới 4,0

9.3.2 Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức chất lượng	Thang điểm
<ul style="list-style-type: none"> – Tham gia học tập trên lớp đạt trên 90% số tiết học – Tham gia tích cực thảo luận trên lớp – Ý thức, thái độ học tập tốt 	Mức A (Vượt quá mong đợi)	8,5 - 10
<ul style="list-style-type: none"> – Tham gia học tập trên lớp đạt từ 90-95% số tiết học – Có tham gia thảo luận trên lớp – Ý thức, thái độ học tập tốt 	Mức B (Đáp ứng được mong đợi)	7,0 - 8,4

<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia học tập trên lớp đạt từ 85-90% số tiết học - Ít tham gia thảo luận trên lớp - Ý thức, thái độ học tập chưa cao 	Mức C (Đạt)	5,5 - 6,9
<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia học tập trên lớp đạt từ 80-85% số tiết học - Không tham gia thảo luận trên lớp - Ý thức, thái độ học tập không nghiêm túc 	Mức D (Đạt, song cần cải thiện)	4,0 - 5,4
<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia học tập trên lớp dưới 80% số tiết học 	Mức F (Không đạt)	Dưới 4,0

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2022

Viện trưởng

Trưởng Bộ môn

Người soạn đề cương





TS. Hoàng Văn Tường

TS. Trần Văn Dung

Vũ Thị Thanh Ngọc